

## **Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán riêng	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 39



# Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 được cấp vào ngày 25 tháng 2 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại được trình bày tại Thuyết minh số 1 của báo cáo tài chính riêng – Thông tin về Tổng Công ty.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngõ Tắt Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và đơn vị trực thuộc sau:

*Tên đơn vị*

*Địa chỉ*

Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh

126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hán

Chủ tịch

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Phó chủ tịch

Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025

Ông Trần Đức Hùng

Phó chủ tịch

Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025

Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Thành viên

Ông Trần Văn Hải

Thành viên

Ông Đỗ Mạnh Cường

Thành viên độc lập

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Mạnh Cường

Chủ tịch

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thành viên

Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025

Ông Trần Đức Hùng

Thành viên

Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025

### BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Dung

Trưởng Bộ phận

Bà Nguyễn Thị Thủy

Phó Trưởng Bộ phận

Ông Phí Ngọc Tú

Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Tổng Giám đốc.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	TM	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.155.215.353.050</b>	<b>1.039.352.104.110</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>32.784.110.139</b>	<b>252.825.594.955</b>
111	1. Tiền		3.784.110.139	1.975.594.955
112	2. Các khoản tương đương tiền		29.000.000.000	250.850.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>975.820.000.000</b>	<b>755.620.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	975.820.000.000	755.620.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>142.420.500.547</b>	<b>27.350.568.564</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		171.064	59.400.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.1	1.825.808.544	1.087.320.480
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	141.355.027.460	26.964.354.605
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.2	(760.506.521)	(760.506.521)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>639.204.498</b>	<b>104.285.088</b>
141	1. Hàng tồn kho		639.204.498	104.285.088
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.551.537.866</b>	<b>3.451.655.503</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.301.792.195	2.201.909.832
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.249.745.671	1.249.745.671
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.786.927.949.744</b>	<b>1.796.669.346.525</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>14.435.391.445</b>	<b>14.531.706.969</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.296.452.735	14.370.718.259
222	Nguyên giá		58.212.622.993	57.567.562.993
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(43.916.170.258)	(43.196.844.734)
227	2. Tài sản cố định vô hình		138.938.710	160.988.710
228	Nguyên giá		441.000.000	441.000.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(302.061.290)	(280.011.290)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>35.501.518.514</b>	<b>35.759.475.749</b>
231	1. Nguyên giá		45.821.328.558	45.821.328.558
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.319.810.044)	(10.061.852.809)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>1.735.615.594.944</b>	<b>1.744.760.044.230</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		286.193.148.150	286.193.148.150
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết		751.643.528.653	773.277.412.428
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		808.840.772.653	808.840.772.653
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(111.061.854.512)	(123.551.289.001)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.375.444.841</b>	<b>1.618.119.577</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.375.444.841	1.618.119.577
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.942.143.302.794</b>	<b>2.836.021.450.635</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.931.318.499</b>	<b>16.305.853.882</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.849.318.499</b>	<b>15.223.853.882</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	303.582.727	614.672.437
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		60.000	60.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	45.837.767	72.521.539
314	4. Phải trả người lao động		700.072.373	4.641.274.940
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.540.188.198	1.262.628.380
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.000.931.992	702.368.835
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.786.791.347	2.841.504.646
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	6.471.854.095	5.088.823.105
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.082.000.000</b>	<b>1.082.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.082.000.000	1.082.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.928.211.984.295</b>	<b>2.819.715.596.753</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>2.928.211.984.295</b>	<b>2.819.715.596.753</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		201.800.207.965	201.800.207.965
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		356.411.776.330	247.915.388.788
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		244.837.954.688	3.462.312.470
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		111.573.821.642	244.453.076.318
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.942.143.302.794</b>	<b>2.836.021.450.635</b>

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập

Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày	
			31/03/2025	31/03/2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.477.748.584	20.866.476.772
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.477.748.584	20.866.476.772
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	1.400.631.574	14.272.328.691
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.077.117.010	6.594.148.081
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	106.259.957.986	33.625.326.725
22	7. Chi phí tài chính	22	(12.489.434.489)	(910.105.750)
25	8. Chi phí bán hàng	23	385.821.829	651.596.738
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	7.866.866.014	10.243.508.651
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.573.821.642	30.234.475.167
31	11. Thu nhập khác		-	242.443.636
40	13. Lợi nhuận khác		-	242.443.636
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		111.573.821.642	30.476.918.803
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	-	1.315.295.856
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		111.573.821.642	29.161.622.947



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng





Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>111.573.821.642</b>	<b>30.476.918.803</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		999.332.759	1.398.359.224
03	Các khoản hoàn nhập dự phòng		(12.489.434.489)	(706.146.090)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(34.696.770)	(3.489.322)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(106.223.877.466)	(33.851.837.403)
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(6.174.854.324)</b>	<b>(2.686.194.788)</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		(1.104.965.940)	1.610.194.229
10	Tăng hàng tồn kho		(534.919.410)	(1.679.636.081)
11	Giảm/(tăng) các khoản phải trả		(3.713.060.373)	9.788.868.733
12	Giảm chi phí trả trước		242.674.736	24.006.980
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.694.403.110)	(1.914.808.333)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(12.979.528.421)</b>	<b>5.142.430.740</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(689.566.000)	(90.100.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	253.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(321.100.000.000)	(97.200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		100.900.000.000	68.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		21.633.883.775	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(7.840.970.940)	25.363.497.102
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(207.096.653.165)</b>	<b>(3.673.602.898)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
36	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	18.3	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(220.076.181.586)	1.468.827.842
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		252.825.594.955	2.692.714.995
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.696.770	3.489.322
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	32.784.110.139	4.165.032.159



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng





Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2025



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 được cấp vào ngày 25 tháng 2 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- ▶ Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- ▶ Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- ▶ Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- ▶ Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ▶ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- ▶ Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- ▶ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; và

Một số hoạt động kinh doanh khác.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngõ Tất Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Số lượng người lao động và người quản lý của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 37 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 38 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Tổng Công ty có 4 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 03 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
				Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích
1	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	65,41%	65,41%	65,41%	65,41%
2	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 262L, phố Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm.	66,35%	66,57%	66,35%	66,57%
3	Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	Số 115, đường Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, bao bì dược, thực phẩm bổ dưỡng, máy móc, thiết bị y tế, chế biến dược liệu.	65,00%	66,81%	65,00%	66,81%
4	Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào (*)	Số 253, đường Vieng Chaluen, quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.	62,17%	93,70%	62,17%	93,70%

(\*) Tổng Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này thông qua Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha đang tiến hành các thủ tục để chuyển nhượng công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

### **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### **2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- |                                     |   |   |
|-------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa         | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	9 - 46 năm
---------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần (ngày 8 tháng 12 năm 2016) được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể, bao gồm các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị khác sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị khác phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

*Doanh thu cho thuê văn phòng*

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

NG  
C  
VI  
HÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.002.335.147	191.315.727
Tiền gửi ngân hàng	1.781.774.992	1.784.279.228
Các khoản tương đương tiền (*)	29.000.000.000	250.850.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.784.110.139</b>	<b>252.825.594.955</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.

#### 5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 6 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.

#### 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

##### 6.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BrainMark Việt Nam	406.080.000	406.080.000
Công ty TNHH Luật TC và Cộng Sự	388.500.000	388.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển công nghệ Môi trường Bách Khoa	689.814.815	-
Các khoản trả trước khác	341.413.729	292.740.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.825.808.544</b>	<b>1.087.320.480</b>

##### 6.2 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Số đầu năm	760.506.521	770.226.520
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	760.506.521	770.226.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi	13.306.439.782	-	7.276.635.876	-
Phải thu về cổ tức	125.948.411.500	-	17.913.367.000	-
Các khoản tạm ứng	821.057.882	-	498.441.112	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.279.118.296	(760.506.521)	1.275.910.617	(760.506.521)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>141.355.027.460</b>	<b>(760.506.521)</b>	<b>26.964.354.605</b>	<b>(760.506.521)</b>
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác				
bên liên quan				
(Thuyết minh số 26)	121.214.508.828	-	10.977.240.000	-

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Phúc Lâm	328.595.827	-	328.595.827	-
Quầy Hoàng Văn Lộ	112.010.694	-	112.010.694	-
Phải thu khác	319.900.000	-	319.900.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>760.506.521</b>	<b>-</b>	<b>760.506.521</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	639.204.498	-	104.285.088	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>639.204.498</b>	<b>-</b>	<b>104.285.088</b>	<b>-</b>

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Số đầu năm	-	7.375.878.457
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	203.959.660
Số cuối kỳ	-	7.579.838.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

					Đơn vị tính: VND	
					Tài sản cố định dùng cho quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	43.121.236.291	6.837.386.288			2.302.875.444	57.567.562.993
- Mua trong kỳ					645.060.000	645.060.000
Số cuối kỳ	43.121.236.291	6.837.386.288			2.947.935.444	58.212.622.993
Trong đó:						
Đã khấu hao hết					1.162.837.999	3.910.685.308
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	31.247.731.072	5.637.300.561			1.596.350.660	43.196.844.734
- Khấu hao trong kỳ	367.327.332	171.693.909			97.323.476	719.325.524
Số cuối kỳ	31.615.058.404	5.808.994.470			1.693.674.136	43.916.170.258
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	11.873.505.219	1.200.085.727			706.524.784	14.370.718.259
Số cuối kỳ	11.506.177.887	1.028.391.818			1.254.261.308	14.296.452.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Đơn vị tính: VND

**Nguyên giá:**

Nhà cửa, vật kiến trúc

Số đầu năm	45.821.328.558
Số cuối kỳ	45.821.328.558

**Trong đó:**

Đã khấu hao hết

-

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Số đầu năm	10.061.852.809
- Khấu hao trong kỳ	257.957.235
Số cuối kỳ	10.319.810.044

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	35.759.475.749
Số cuối kỳ	35.501.518.514

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 chủ yếu là diện tích văn phòng thương mại hiện đang được sử dụng để cho thuê.

Tổng Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định và thuyết minh giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	286.193.148.150	286.193.148.150
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	751.643.528.653	773.277.412.428
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	808.840.772.653	808.840.772.653
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(111.061.854.512)	(123.551.289.001)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.735.615.594.944</b>	<b>1.744.760.044.230</b>

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Số đầu năm	123.551.289.001	126.692.096.201
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(12.489.434.489)	(910.105.750)
Số cuối kỳ	111.061.854.512	125.781.990.451

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị hợp lý (*)	
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	138.997.108.326	-	528.279.675.000	-	525.535.365.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	123.241.224.756	-	127.286.250.000	-	123.649.500.000
Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 (**)	23.954.815.068	-	16.152.500.000	-	16.152.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>286.193.148.150</b>	<b>-</b>	<b>671.718.425.000</b>	<b>-</b>	<b>665.337.365.000</b>

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.

(\*\*) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 mặc dù giá trị hợp lý của khoản đầu tư nhỏ hơn giá gốc do Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 không phát sinh lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của đơn vị này.



Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, công ty có 7 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7 công ty liên kết):

	Số cuối kỳ			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i)	477.969.183.365	-	1.512.427.593.600	477.969.183.365	-	1.595.602.624.000	
Công ty cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam	28.211.552.564	-	(*)	49.845.436.339	-	(*)	
Công ty cổ phần Dược Danapha (i)	131.058.047.634	-	188.297.678.000	131.058.047.634	-	171.683.177.000	
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i) (ii)	44.983.510.213	-	37.800.000.000	44.983.510.213	-	38.556.000.000	
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	50.340.601.545	-	277.646.089.500	50.340.601.545	-	276.696.872.100	
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	14.814.901.439	-	(*)	14.814.901.439	-	(*)	
Công ty cổ phần Dược Davina	4.265.731.893	(4.265.731.893)	(*)	4.265.731.893	(4.265.731.893)	(*)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>751.643.528.653</b>	<b>(4.265.731.893)</b>		<b>773.277.412.428</b>	<b>(4.265.731.893)</b>		

- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.
- (ii) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 mặc dù giá trị hợp lý của khoản đầu tư nhỏ hơn giá gốc do Tổng Công ty sử dụng báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 để làm căn cứ trích lập dự phòng.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

- 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)
- 12.2 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 3 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
			Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, đường 30/4, phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc	22,04%	22,04%	22,04%	22,04%	22,04%	22,04%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Số 10 Hàm Nghi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Số 253 Dững Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	26,45%	26,45%	26,45%	26,45%	26,45%	26,45%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Số 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Số 138 Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm (nguyên liệu và thành phẩm) và hóa chất	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%
Công ty Cổ phần Dược Davina	Số 253 Dững Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%



Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024				Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	
Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar (i)	18,23%	197.712.783.695	(59.852.707.695)	137.860.076.000	18,23%	197.712.783.695	(64.975.886.195)	132.736.897.500	
Công ty cổ phần Dược phẩm OPC (i)	13,40%	139.411.862.876	-	203.058.568.900	13,40%	139.411.862.876	-	214.649.650.000	
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco(i)	5,18%	69.305.080.876	(22.925.895.176)	46.379.185.700	5,18%	69.305.080.876	(28.796.678.176)	40.508.402.700	
Công ty cổ phần Dược phẩm Vidipha (i)	14,29%	75.155.455.264	-	109.201.994.200	14,29%	75.155.455.264	-	116.776.699.000	
Công ty cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex (i)	10,23%	46.022.915.860	(19.481.721.460)	26.541.194.400	10,23%	46.022.915.860	(19.955.671.360)	26.067.244.500	
Công ty cổ phần Dược liệu Trung ương 2	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (i)	6,78%	11.861.708.288	(4.535.798.288)	7.325.910.000	6,78%	11.861.708.288	(4.807.128.288)	7.054.580.000	
Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (i)	11,50%	29.455.746.106	-	37.828.750.000	11,50%	29.455.746.106	-	37.115.000.000	
Công ty cổ phần Bao bì Dược Công ty cổ phần Dược Medipharco (i)	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	
Công ty cổ phần Hoá Dược Việt Nam	9,10%	9.231.455.589	-	10.177.515.000	9,10%	9.231.455.589	(750.193.089)	8.481.262.500	
Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	
	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	
TỔNG CỘNG		808.840.772.653	(106.796.122.619)			808.840.772.653	(119.285.557.108)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** (tiếp theo)

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.
- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	303.582.727	303.582.727	571.954.437	571.954.437
- Công ty cổ phần nội thất Đức Khang	10.000.000	10.000.000	378.425.520	378.425.520
- Phải trả các đối tượng khác	293.582.727	293.582.727	193.528.917	193.528.917
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	-	42.718.000	42.718.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>303.582.727</b>	<b>303.582.727</b>	<b>614.672.437</b>	<b>614.672.437</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	-	283.026.014	(283.026.014)	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	49.888.800		(49.888.800)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	72.521.539	865.090.230	(54.412.371)	(837.361.631)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.249.745.671)	-	-	-	-	(1.249.745.671)	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000		(4.000.000)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(1.249.745.671)</b>	<b>72.521.539</b>	<b>1.202.005.044</b>	<b>(337.438.385)</b>	<b>(891.250.431)</b>	<b>(1.249.745.671)</b>	<b>45.837.767</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả khác	2.540.188.198	1.262.628.380
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.540.188.198</b>	<b>1.262.628.380</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đối tác trả trước tiền hỗ trợ		
chi phí thuê đất dự án 95 Láng Hạ	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả lãi cổ đông	263.459.080	263.459.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	523.332.267	1.578.045.566
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.786.791.347</b>	<b>2.841.504.646</b>

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Số đầu năm	5.088.823.105	7.655.709.514
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 18.1)	3.077.434.100	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.694.403.110)	(1.914.808.333)
Số cuối kỳ	6.471.854.095	5.740.901.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</b>				
Số đầu năm	2.370.000.000.000	134.960.184.483	236.200.549.543	2.741.160.734.026
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	29.161.622.947	29.161.622.947
Số cuối kỳ	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>134.960.184.483</u>	<u>265.362.172.490</u>	<u>2.770.322.356.973</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025</b>				
Số đầu năm	2.370.000.000.000	201.800.207.965	247.915.388.788	2.819.715.596.753
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	111.573.821.642	111.573.821.642
Tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý (*)	-	-	(3.077.434.100)	(3.077.434.100)
Số cuối kỳ	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>201.800.207.965</u>	<u>356.411.776.330</u>	<u>2.928.211.984.295</u>

(\*) Tổng Công ty đã thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý từ nguồn lợi nhuận năm 2024.

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước (*)	154.050.000	154.050.000	-	154.050.000	154.050.000	-
Các cổ đông khác	82.950.000	82.950.000	-	82.950.000	82.950.000	-
	<u>237.000.000</u>	<u>237.000.000</u>	<u>-</u>	<u>237.000.000</u>	<u>237.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Theo Văn bản số 471/TTg – ĐMDN ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP đã được chuyển giao từ Bộ Y tế sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>2.370.000.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>	-	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	-	-

**18.4 Cổ phiếu**

	Đơn vị tính: Cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>1. Ngoại tệ các loại</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	270	270
- Forint Hungary (FT)	20.000	20.000
- Rúp Nga (RUB)	662.000	662.000
<b>2. Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)</b>	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>2.477.748.584</b>	<b>20.866.476.772</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	194.646.288	350.959.253
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.283.102.296	1.859.043.257
Doanh thu bán bất động sản	-	18.656.474.262
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.477.748.584</b>	<b>20.866.476.772</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	226.590.727	609.983.357
Doanh thu với các bên khác	2.251.157.857	20.256.493.415

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Lãi tiền gửi	12.335.069.741	12.571.809.403
Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.888.807.725	21.050.028.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.080.520	3.489.322
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.259.957.986</b>	<b>33.625.326.725</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	98.137.048	169.695.982
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.302.494.526	1.862.396.467
Giá vốn bất động sản đã bán	-	12.036.276.582
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	203.959.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.400.631.574</b>	<b>14.272.328.691</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(12.489.434.489)	(910.105.750)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(12.489.434.489)</b>	<b>(910.105.750)</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	241.725.731	357.374.821
Chi phí khấu hao	24.251.505	21.524.232
Chi phí bán bất động sản	-	50.218.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.593.119	27.968.964
Chi phí bán hàng khác	115.251.474	194.510.321
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>385.821.829</b>	<b>651.596.738</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	2.541.924.342	2.908.368.347
Chi phí dụng cụ quản lý	495.461.607	400.999.129
Chi phí khấu hao và hao mòn	677.518.145	524.392.666
Thuế, phí và lệ phí	725.033.971	725.613.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.357.021.523	2.715.156.699
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.069.906.426	2.968.978.322
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.866.866.014</b>	<b>10.243.508.651</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Chi phí mua hàng hóa	107.959.203	12.877.379.648
Chi phí nhân công	2.783.650.073	3.923.253.142
Chi phí khấu hao và hao mòn	977.282.759	545.916.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.572.834.736	4.596.920.136
Chi phí bằng tiền khác	3.746.512.057	4.929.270.195
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.188.238.827</b>	<b>26.872.740.018</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tổng Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.315.295.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.315.295.856</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>111.573.821.642</b>	<b>30.476.918.803</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	237.337.563	38.042.180
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	120.000.000	117.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	203.959.660
Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	9.670.657
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(93.888.807.725)	(21.050.028.000)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(12.489.434.489)	(910.105.750)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(146.388.417)	(3.489.322)
Chuyển lỗ năm trước sang	(5.406.528.574)	(2.305.488.948)
<b>Lợi nhuận trước thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>6.576.479.280</b>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	-	6.576.479.280
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.315.295.856</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 *Lỗi tính thuế chuyển sang từ năm trước*

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản lỗi lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Đơn vị tính: VND	
		Đã chuyển lỗi đến ngày 31/03/2025	Chưa chuyển lỗi tại ngày 31/03/2025
	Lỗi tính thuế		
2020	2025	(29.191.275.856)	8.865.755.070
2022	2027	(88.028.387.898)	-
2023	2028	(3.779.186.948)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(120.998.850.702)</b>	<b>8.865.755.070</b>

Đây là các khoản lỗi thuế theo tờ khai thuế TNDN của Tổng Công ty và chưa được cơ quan thuế quyết toán vào thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các lỗi thuế nêu trên do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan khác có giao dịch với Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ và tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	Cổ đông lớn
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Dược Davina	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần dược phẩm OPC	Công ty có chung thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT")
13	Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Công ty có chung thành viên HĐQT và nhân viên quản lý chủ chốt
14	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty có chung thành viên HĐQT
15	Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT
16	Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT/Thành viên Ủy ban Kiểm toán từ ngày 25 tháng 6 năm 2024
17	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
18	Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 23 tháng 4 năm 2024/Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán từ ngày 25 tháng 6 năm 2024
19	Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT
20	Bà Nguyễn Thủy Dung	Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ
21	Bà Nguyễn Thị Thủy	Phó Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ
22	Ông Phí Ngọc Tú	Thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ
23	Bà Lữ Thị Khánh Trân	Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và cùng kỳ năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	Cung cấp dịch vụ	30.373.593	29.919.611
Công ty cổ phần Dược phẩm Danapha	Cổ tức được chia		
	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	105.407.191	-
	Doanh thu dịch vụ kiểm nghiệm	-	508.571.429
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Cổ tức được chia	14.238.261.000	14.238.261.000
	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	47.308.387	28.179.317
Công ty cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam	Cổ tức được chia	95.998.720.000	-
Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	Cổ tức được chia		
	Mua hàng hóa	78.590.741	297.768.519
	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	43.501.556	43.313.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Tổng Công ty bán hàng, dịch vụ cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Tổng Công ty cũng ghi nhận doanh thu sử dụng quyền nhãn hiệu "Cao sao vàng" từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025, Tổng Công ty không trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty cổ phần Dược Phẩm Trung ương CPC1	Phải thu về cổ tức	10.977.240.000	10.977.240.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Phải thu về cổ tức	14.238.261.000	-
Công ty cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam	Phải thu về cổ tức	95.998.720.000	-
Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	Phải thu khác	287.828	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>121.214.508.828</b>	<b>10.977.240.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</b>			
Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	Phải trả tiền mua hàng hóa	-	42.718.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>42.718.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao và lương của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại Tổng Công ty trong kỳ:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND Lương, thù lao	
		Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT	270.000.000	238.500.000
Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT/Thành viên Ủy ban Kiểm toán	45.000.000	30.000.000
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	270.000.000	237.000.000
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 23 tháng 4 năm 2024/Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán từ ngày 25 tháng 6 năm 2024	45.000.000	-
Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT đến ngày 23 tháng 4 năm 2024	-	172.500.000
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT đến ngày 23 tháng 4 năm 2024	-	30.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Kế toán trưởng	192.191.761	178.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>852.191.761</b>	<b>916.500.000</b>

Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong kỳ:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	-	186.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đến 1 năm	6.652.611.320	6.022.797.036
Trên 1 - 5 năm	26.610.445.280	24.091.188.144
Trên 5 năm	200.339.893.593	179.228.262.116
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>233.602.950.193</b>	<b>209.342.247.296</b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Tổng Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.900.397.405	6.659.705.019
Trên 1 - 5 năm	9.606.027.761	10.052.743.242
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.506.425.166</b>	<b>16.712.448.261</b>

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

  
 Nguyễn Thị Hằng  
 Người lập

  
 Lữ Thị Khánh Trân  
 Kế toán trưởng

  
  
 Hàn Thị Khánh Vinh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2025